

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên ngành, nghề:** Công nghệ ô tô

**Mã ngành, nghề:** 5510216

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

**Thời gian đào tạo:** 1,5 năm

## 1. Mục tiêu đào tạo:

### 1.1. Mục tiêu chung:

+ Đào tạo kỹ thuật viên lĩnh vực Công nghệ ô tô theo yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội;

+ Có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn toàn diện về chuyên ngành công nghệ ô tô, có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công nghệ ô tô;

+ Có khả năng học tập nâng cao trình độ; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước..

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

#### 1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;

- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng:**

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;
- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;
- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.
- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;
- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

#### 1.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

#### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- + Số lượng môn học, mô đun: 27
  - + Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 78 Tín chỉ
  - + Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
  - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên ngành: 1395 giờ
  - + Khối lượng lý thuyết: 494 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 844 giờ;
- kiểm tra: 57 giờ

#### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập	Kiểm tra
<b>I</b>	<b><i>Các môn học chung</i></b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3

MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i></b>	<b>67</b>	<b>1395</b>	<b>494</b>	<b>844</b>	<b>57</b>
II.1	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<b>17</b>	<b>270</b>	<b>172</b>	<b>81</b>	<b>17</b>
MH 07	Điện kỹ thuật	2	30	22	6	2
MH 08	Cơ ứng dụng	2	30	22	6	2
MH 09	Vật liệu cơ khí	2	30	25	3	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	20	8	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3	45	30	12	3
MH 12	An toàn lao động	2	30	25	3	2
MH 13	Thực hành Nguội - Hàn	2	45	8	35	2
MH 14	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	13	2
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	<b>50</b>	<b>1125</b>	<b>322</b>	<b>763</b>	<b>40</b>
MĐ 15	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	4	60	45	12	3
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ	5	120	45	70	5
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị ô tô	4	90	30	57	3
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	4	90	30	57	3
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	30	57	3
MĐ 20	Kỹ thuật lái ô tô	2	45	8	35	2
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	30	57	3
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển, lái.	3	75	18	54	3
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	5	90	30	57	3
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô – xe máy	2	45	13	30	2
MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hoà không khí trên ô tô	3	60	15	42	3
MĐ 26	Lắp ráp và hiệu chỉnh động	4	90	24	63	3

	cơ					
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	5	180	4	172	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78</b>	<b>1650</b>	<b>588</b>	<b>992</b>	<b>70</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc áp dụng theo chương trình do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan tại các cơ sở sản xuất;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- + Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.
- + Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

<b>Số TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình thức thi</b>	<b>Thời gian thi</b>
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài tập kỹ năng tổng hợp	4 giờ

+Xét công nhận tốt nghiệp: căn cứ vào kết quả học tập toàn khóa, thi tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp; Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả công nhận tốt nghiệp, cấp bằng trung cấp cho học sinh.

#### 4.5. Các chú khác (nếu có)